

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 1, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn 1, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND xã Thọ Thế về chủ trương đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 1, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 290/TĐ-KTHT ngày 19/10/2021 về việc báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình (kèm theo Tờ trình của UBND xã Thọ Thế).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 1, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 1, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Diện tích sử dụng đất: khoảng 2,7ha.

4. Chủ đầu tư: UBND xã Thọ Thế.

5. Tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Phú Giang.

6. Giải pháp thiết kế:

6.1. Giao thông

a) Bình đồ: Hướng tuyến được thiết kế mới theo mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện.

b) Cắt dọc:

- Gồm 05 tuyến đường với tổng chiều dài $L=479,5m$ (tuyến số 1 là tuyến đường gom giữ nguyên hiện trạng), tuyến 2 dài 79,8m, tuyến 3 dài 83,86, tuyến 4 dài 159,04m, tuyến 5 dài 156,79m;

- Thiết kế trắc dọc đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn, dựa trên cơ sở tận dụng tối đa nền cũ và đảm bảo vấn đề thoát nước.

- Cao độ đường đo các tuyến đường thiết kế, thiết kế phù hợp với hiện trạng tuyến.

c) Cắt ngang:

Các tuyến đường giao thông trong khu vực được thiết kế với hình thức mặt cắt như sau:

- Chiều rộng nền đường: $B_n = 15,50m$.
- Chiều rộng mặt đường: $B_m = 7,5m$.
- Chiều rộng hè đường: $B_h = 2 \times 4,0m = 8,0m$.
- Dốc ngang mặt đường: $I_m = 3\%$.
- Dốc ngang hè đường: $I_h = 4\%$.

Tuyến số 1 là tuyến đường bê tông hiện trạng chỉ đắp đất vỉa hè, chiều rộng đất đắp $4,57 \div 5,51m$.

d) Nền đường:

Nền đường đắp bằng đất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$, lớp sát đáy kết cấu áo đường yêu cầu đạt độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm; mái taluy đắp 1/1,5; trước khi đắp phải đào bỏ lớp hữu cơ và đánh cấp.

e) Mặt đường:

- Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:
 - + Mặt đường láng nhựa 03 lớp TCN 4,5kg/m² dày 3,5cm.
 - + Tưới nhựa thấm bảm TCN 1,0kg/m².
 - + Móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.
 - + Móng cấp phối đá dăm loại II dày 18cm.

f) Nút giao: Toàn dự án được thiết kế vượt nổi đảm bảo trơn thuận, bán kính tại mép nhỏ nhất $R_{\min}=8,0\text{m}$. Tại các nút giao với tuyến 1, thiết kế nút giao bằng BTXM đá 1x2 M250 dày 20cm, dưới lót ni lông tái sinh, móng CPDD loại I dày 12cm.

g) Bó vỉa, đan rãnh, cây xanh:

- Bó vỉa hè: Viên bó vỉa bằng BTXM đá 1x2 M200 kích thước 26x23x100cm tại các đoạn thẳng, kích thước 26x23x40cm tại các đoạn cong.
- Đan rãnh: đổ trực tiếp bằng BTXM đá 1x2 M200.
- Cây xanh: đào các hố trồng cây Sao đen hoặc cây Sấu, cao $\leq 3,0\text{m}$, đường kính gốc 8÷10cm.
- Hè đường: đắp đất đầm chặt K95.

6.2. Thoát nước

- Rãnh thoát nước B=50cm: hệ thống rãnh được bố trí trên vỉa hè ngay sát mép bó vỉa hè đường. Kết cấu như sau: đáy rãnh bằng BTXM M150 đá 1x2 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thành rãnh xây gạch không nung VXM M75 dày 22cm. Tấm đan rãnh kích thước 0,74x1,0 dày 10cm bằng BTCT M250 đá 1x2.

- Rãnh chịu lực B=50cm: Tại các vị trí rãnh qua đường ngang thiết kế rãnh chịu lực. Kết cấu như sau: đáy, thân rãnh BTXM M200 đá 1x2 đặt trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm, thành rãnh dày 30cm. Tấm đan BTCT M250 đá 1x2 kích thước 0,8x1,0m dày 18cm.

- Hố ga thu nước: Hố ga được bố trí trên vỉa hè ngay sát mép bó vỉa hè, khoảng cách 25-30m bố trí 1 hố ga thu nước. Tại các vị trí hố ga đặt ống PVC D110 thu nước thải nhà dân. Kết cấu như sau: đáy hố ga bằng BTXM M150 đá 1x2 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thành hố ga xây gạch không nung VXM M75 dày 22cm. Tấm đan hố ga BTCT M250 đá 1x2 kích thước 0,63x1,0m dày 10cm.

6.3. Phần điện

Nguồn điện cấp cho toàn khu được lấy nguồn từ cột trung thế chèn mới T.01 Lộ 972 E9.1 DA.

a) Đường dây trung thế:

- Dựng cột BTLT 18m xây dựng mới, sử dụng móng cột MT8 đối với cột đơn, móng MT8-K đối với vị trí cột đôi, tiếp địa cột RC4. Xà trên cột sử dụng xà rẽ nhánh sứ chuỗi đột đôi dọc, xà đỡ 3 tầng sứ đứng cột đơn, xà néo lệch 3 tầng sứ chuỗi cột đôi ngang và xà néo lệch 3 tầng sứ chuỗi cột đôi dọc. hệ thống xà, tiếp địa bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng.

- Cấp trung thế mới sử dụng loại cáp bọc AsX 1x95mm².

b) Đường dây hạ thế và điện chiếu sáng

- Xây dựng mới hệ thống điện sinh hoạt, kết hợp với chiếu sáng trong MBQH bằng hệ thống cột BTLT 10m, lắp chụp đèn đầu cột, các vị trí cột đỡ thẳng và néo góc nhỏ sử dụng cột đơn, các vị trí hãm cuối và néo góc lớn sử dụng cột đôi.

- Đường dây cấp điện chiếu sáng sử dụng dây dẫn tròn cáp vặn xoắn ABC 4 x 25, dây cáp điện sinh hoạt sử dụng dây dẫn tròn cáp vặn xoắn ABC 4x95, 4x70 treo trên cột bê tông ly tâm cao 10m bằng khóa hãm và xà treo cáp. Cột điện chạy dọc theo các trục đường giao thông nằm trên vỉa hè khoảng cột từ 25m ÷ 40m tùy theo vị trí.

- Các vị trí lắp đèn chiếu sáng, sử dụng chụp đèn cao áp lắp trên đầu cột BTLT, mỗi chụp đèn sử dụng 1 bóng đèn LED tiết kiệm điện công suất 150W.

- Đóng cắt hệ thống đèn chiếu sáng giao thông nhờ các tủ điều khiển chiếu sáng, tủ điện được dựng tại chân trạm biến áp.

c) Giải pháp thiết kế TBA

- Sử dụng máy biến áp 400kVA-10(22)/0,4KV.

- Kiểu trạm: trạm treo.

- Cột trạm: sử dụng cột BTLT LT12 NPC 7.2kN.

- Phần kết cấu kim loại trạm biến áp phải được bảo vệ chống gỉ bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

7.1. Giá trị dự toán: 11.455.423.000 đ.

(Mười một tỷ, bốn trăm năm lăm triệu, bốn trăm hai ba nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB	3.640.000.000 đ
- Chi phí xây lắp	6.038.242.000 đ
- Chi phí thiết bị	430.764.000 đ
- Chi phí QLDA	162.490.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	468.002.000 đ
- Chi phí khác	170.429.000 đ
- Chi phí dự phòng	545.496.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

7.2. **Nguồn vốn:** Từ nguồn thu tiền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch (theo Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện).

8. **Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

9. **Thời gian thực hiện:** Năm 2021-2022.

10. **Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng:** Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và các quy định hiện hành khác.

Điều 2. Giao UBND xã Thọ Thế chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Thọ Thế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- CT UBND huyện (b/c)
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Huy Dũng

DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ THÔN 1, XÃ THỌ THẾ, HUYỆN TRIỆU SƠN

Đơn vị tính: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	3.640.000.000		3.640.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	5.489.310.909	548.931.091	6.038.242.000
1	Giao thông, thoát nước	3.636.522.727	363.652.273	4.000.175.000
2	Cấp điện	1.852.788.182	185.278.818	2.038.067.000
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	391.603.727	39.160.373	430.764.000
1	Mua sắm thiết bị	364.011.000	36.401.100	400.412.100
2	Lắp đặt thiết bị	10.662.727	1.066.273	11.729.000
3	Thí nghiệm, hiệu chỉnh	16.930.000	1.693.000	18.623.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	162.489.671		162.490.000
V	CHI PHÍ TV ĐTXD	425.456.805	42.545.680	468.002.000
1	Khảo sát	43.926.364	4.392.636	48.319.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát	1.318.182	131.818	1.450.000
3	Giám sát khảo sát	1.789.091	178.909	1.968.000
4	Lập báo cáo KT-KT	213.124.346	21.312.435	234.436.781
5	Giám sát thi công xây dựng	140.855.718	14.085.572	154.941.290
6	Giám sát lắp đặt thiết bị	3.144.578	314.458	3.459.036
7	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu TCXD	21.298.526	2.129.853	23.428.379
VI	CHI PHÍ KHÁC	160.075.717	10.353.282	170.429.000
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	1.088.265		1.088.265
2	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu thi công xây dựng	5.489.311		5.489.311
3	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	28.800.059		28.800.059
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	21.165.259		21.165.259
5	Kiểm toán	69.932.634	6.993.263	76.925.897
6	Chi phí nghiệm thu đóng điện	33.600.189	3.360.019	36.960.208
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	513.446.842	32.049.521	545.496.000
	TỔNG CỘNG (I+II+...+VII)	10.782.383.672	673.039.948	11.455.423.000

Mười một tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng./.